TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 22/10/2021.
V/v: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Đào Văn Hoàn, ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 07/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 30/6/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-KDTM ngày 15/7/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-KDTM ngày 23/7/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-KDTM ngày 23/8/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-KDTM ngày 22/9/2021, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Công ty TNHH M.

Trụ sở chính: Số , đường CT, phường HS, thành phố ThN, tỉnh ThN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y - Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TK, sinh năm 1975.(có mặt)

Địa chỉ: Số 22, NHT, BĐ, HBT, Hà Nội.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ph – Luật sư văn phòng luật sư QM. (có mặt)

2 - Bị đơn: Công ty TNHH L.

Trụ sở chính: Nhà xưởng G, lô XN, khu công nghiệp Đ, thị trấnLC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: ông KK – Chức vụ: Giám đốc.(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà K, sinh năm 1991.(có mặt)

và bà C, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 24, ngõ , ĐC, phường VP, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà PhTH – Luật sư.(vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty luật hợp danh I. Số 24, ng, ĐC, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày*:** Công ty TNHH M (viết tắt là Công ty M1) và Công ty TNHH L (viết tắt là Công ty L1) ký kết với nhau hai hợp đồng vay tiền và 04 hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay nợ. Cụ thể:

Hợp đồng vay tiền thứ nhất: Ngày 15/10/2019, Công ty M1 và Công ty L1 ký kết hợp đồng cho vay số 20191015/M1-L1. Nội dung chính của hợp đồng: Công ty M1 cho Công ty L1 vay số tiền 30.000.000.000đồng (ba mươi tỷ đồng); Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản tiền vay; Lãi suất 8%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 16/10/2019, Công ty M1 chuyển qua tài khoản cho Công ty L1 số tiền vay là 19.570.000.000đồng. Ngày 29/10/2019, Công ty M1 chuyển qua tài khoản cho Công ty L1 số tiền vay là 10.430.000.000đồng. Cộng bằng 30.000.000.000đồng.

Hợp đồng vay tiền thứ hai: Ngày 17/12/2019, Công ty M1 và Công ty L1 ký kết hợp đồng cho vay số 20191217/M1-L1. Nội dung chính của hợp đồng: Công ty M1 cho Công ty L1 vay số tiền 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng); Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản tiền vay; Lãi suất 8%/năm ; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cùng ngày 17/12/2019, Công ty M1 đã

chuyển qua tài khoản cho Công ty L1 số tiền 3.000.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty M1 và Công ty L1 đã ký kết 04 hợp đồng thế chấp với nhau. Cụ thể:

Hợp đồng thế chấp 1: Có số 20191015/M1-L1/HĐTC ngày 15/10/2019 và Phụ lục hợp đồng số **20191015/**M1-L1/HĐTC-01. Danh mục các tài sản thế chấp gồm: 126 máy móc, thiết bị (có danh mục kèm theo biên bản này). Số máy móc này là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay 1.

Hợp đồng thế chấp 2: Có số 20191217-MB/M1-L1/HĐTC ngày 15/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số **20191217-MB/**M1-L1/HĐTC-01. Danh mục các tài sản thế chấp gồm: 41 máy móc thiết bị (có danh mục kèm theo biên bản này). Số máy móc này là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay 1 và 2.

Hợp đồng thế chấp 3: Có số 20191015/M1-L1/HĐTC ngày 17/10/2019 và Phụ lục hợp đồng số **20191015/**M1-L1/HĐTC-01 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 27/4/2020. Danh mục các tài sản thế chấp gồm: 126 máy móc thiết bị (có danh mục kèm theo biên bản này). Số máy móc này là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay 1.

Hợp đồng thế chấp 4: Có số 20191217/M1-L1/HĐTC ngày 17/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số **20191217/**M1-L1/HĐTC-01 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 23/4/2020. Danh mục các tài sản thế chấp gồm: 41 máy móc thiết bị (có danh mục kèm theo biên bản này). Số máy móc này là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay 1 và 2.

Lý do hai bên ký kết 4 hợp đồng thế chấp nêu trên là do khi hai bên ký kết hợp đồng vay tài sản, hai bên có thỏa thuận về hợp đồng thế chấp tài sản nhưng lúc đó có 41 máy móc tiết bị mà hai bên thỏa thuận sẽ thế chấp cho nhau đang được Công ty L1 thế chấp cho Ngân hàng TMCP quân đội (viết tắt là MB). Vì thế hai bên ký kết hợp đồng thế chấp ngày 15/10/2019 nêu trên. Công ty M1 đã liên hệ với MB và được MB thông báo là Công ty L1 đã thanh toán toàn bộ khoản vay có tài sản đảm bảo là số thiết bị máy móc trên. Ngày 17/12/2019, Hai bên ký kết hai hợp đồng thế chấp 3 và 4. Hai bên thỏa thuận tổng số 167 máy móc thiết bị nêu trên đều là tài sản đảm bảo cho cả hai khoản vay của hai hợp đồng vay tài sản.

Khi nhận thế chấp tài sản: Công ty M1 đã cử người đến Công ty L1 cùng nhau kiểm tra số máy móc thiết bị mà Công ty L1 thế chấp cho Công ty M1 và đã dán nhãn trên 126 máy móc thiết bị với dòng chữ có nội dung là máy móc thiết bị thế

chấp theo hợp đồng vay tài sản giữa hai bên. Còn số 41 máy móc thiết bị có dán nhãn của MB thì Công ty M1 chỉ chụp ảnh lại lưu hồ sơ của Công ty M1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L1 đã không thực hiện đúng các thỏa thuận đã cam kết, chưa thanh toán được khoản tiền gốc và lãi nào theo thỏa thuận. Công ty M1 đã có văn bản gửi Công ty L1 yêu cầu thanh toán tiền cho Công ty M1 nhưng Công ty L1 không trả lời. Công ty M1 và Công ty L1 có hai công ty mẹ ở Hàn Quốc khác nhau và có quan hệ hợp tác hỗ trợ nhau, từ đó mới có việc cho nhau vay tiền như trên. Đến nay, Công ty M1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L1 phải thanh toán trả Công ty M1 làm một lần số tiền nợ gốc là 33.000.000.000đồng. Tiền nợ lãi trong hạn là 660.000.000đồng. Tiền nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty L1 còn tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã ký kết trên số tiền nợ gốc cho đến khi tất toán xong khoản nợ vay.

Trong đơn khởi kiện, Công ty M1 yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: Trong trường hợp Công ty L1 không thanh toán được khoản vay hoặc thanh toán không đầy đủ khoản vay, đề nghị Tòa án buộc Công ty L1 phải thực hiện các cam kết trong các Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Công ty M1. Cụ thể: Công ty L1 phải bàn giao cho Công ty M1 toàn bộ các tài sản đã thế chấp để Công ty M1 tự xử lý thu hồi nợ hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty M1. Tuy nhiên, ngày 25/4/2021, nhà xưởng chứa máy móc của Công ty L1 đã bị hỏa hoạn, hầu hết các máy móc đã bị hư hỏng, không thể sử dụng được. Vì thế, Công ty M1 tự nguyện xin rút yêu cầu xử lý 167 máy móc thiết bị là tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa hai bên. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Công ty M1

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn không đến Tòa án làm việc. Người được ủy quyền là bà C và bà K trình bày: Công ty L1 hiện vẫn còn hoạt động theo đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền. Người đại diện theo pháp luật hiện nay là ông K. Doanh nghiệp có mã số là 080. Địa chỉ: Nhà xưởng tại G, lô XN, khu công nghiệp Đ, TT LC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Các lần đăng ký kinh doanh của Công ty L1 đã được sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương thực hiện theo quy định. Công ty L1 đã nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật, ông LE hiện không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty L1 nên các tài liệu liên quan đến hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp với Công ty M1, Công ty L1 vẫn đang

rà soát. Sau khi rà soát xong, Công ty L1 mới có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M1. Sau khi được xem các tài liệu có trong hồ sơ do Công ty M1 cung cấp, Công ty L1 cũng đã được sao chụp lại, Công ty L1 chưa xác định được có đúng là chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty L1 và con dấu của Công ty L1 trên các hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp tài sản không. Công ty L1 chưa có yêu cầu giám định chữ ký và con dấu trên các hợp đồng. Sau khi hai bên ký kết các hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản, Công ty L1 đã thanh toán cho Công ty M1 được khoản tiền gốc và lãi nào chưa thì Công ty L1 chưa xác định được vì đang kiểm tra hồ sơ, tài liệu.

Về số máy móc thiết bị đã thế chấp cho Công ty M1, Công ty L1 vẫn đang tiến hành rà soát, kiểm tra và sẽ tập hợp theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị Tòa án cho Công ty L1 thêm thời gian để rà soát.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty L1 vẫn đang tiến hành rà soát hồ sơ về việc này, nếu đúng là bị đơn vay tiền của nguyên đơn và có thế chấp các tài sản như nguyên đơn trình bày thì Công ty L1 sẽ có quan điểm sau.

Ngày 25/4/2021, nhà xưởng tại Khu C và một phần khu D thuộc lô XN khu công nghiệp Đ, thị trấn LC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị hỏa hoạn. Trong nhà xưởng này chứa hầu hết máy móc của Công ty L1 lúc đó vẫn đang đặt tại đây. Công ty L1 đang chờ kết quả giám định của các cơ quan chức năng về vụ hỏa hoạn này. Các máy móc nằm trong nhà xưởng nêu trên đã được Tòa án xem xét, thẩm định trước đây hiện nay ở trong tình trạng thế nào, Công ty L1 chưa có thông tin cụ thể, Công ty L1 sẽ trình bày sau. Công ty L1 có mua bảo hiểm cho các máy móc đặt trong nhà xưởng nêu trên không thì bà Nhung không nắm được và sẽ thông tin lại sau.

Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhA1 KCN Hải Dương cung cấp cung cấp: Công ty L1 – người đại diện theo pháp luật là LE – chức vụ: giám đốc, làm thủ tục mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhA1 KCN Hải Dương ngày 18/5/2017. Số tài khoản của Công ty TNHH L là 11500 (VNĐ). Vào hồi 17 giờ 26 phút 13 giây, ngày 17/12/2019, trên tài khoản số 11500 (VNĐ) Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhA1 KCN Hải Dương, người thụ hưởng Công ty TNHH L có báo có số tiền 2.999.670.000đồng.

Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhA1 Hải Dương cung cấp: Công ty L1 – người đại diện là LE– chức vụ: giám đốc, làm thủ tục mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhA1 Hải Dương ngày 08/6/2018. Số tài khoản của Công ty

TNHH L là 27011 (VNĐ). Tài khoản 270116(VNĐ) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhA1 Hải Dương, tên khách hàng là Công ty TNHH L có báo có số tiền 19.569.780.000đồng vào ngày 16/10/2019 và số tiền 10.429.670.000đồng vào ngày 29/10/2019 đều do người phát lệnh là Công ty TNHH M.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận, ký kết các hợp đồng vay tiền, hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các hợp đồng thế chấp tài sản có được đăng ký giao dịch bảo đảm. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng vay tiền, nguyên đơn đã chuyển qua tài khoản tại Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam đủ số tiền 33.000.000.000đồng cho Công ty TNHH L. Việc này được chứng minh bởi các chứng từ giao dịch do các ngân hàng cung cấp cho Tòa án và cho nguyên đơn. Bị đơn chưa thanh toán trả cho nguyên đơn một khoản tiền gốc và lãi nào. Đã vi phạm nghĩa vụ trong thời gian dài. Dù bị đơn có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì pháp nhân là Công ty TNHH L vẫn phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với các khoản nợ mà họ đã vay của nguyên đơn. Đến nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 40.542.216.986đồng. Trong đó có 33.000.000.000đồng tiền nợ gốc. 660.000.000đồng tiền lãi trong hạn và 6.882.216.986đồng tiền lãi quá hạn. Yêu cầu bị đơn tiếp tục phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết. Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về xử lý tài sản đảm bảo, yêu cầu Tòa án đình chỉ đối với nội dung này.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt luật sư Hạnh. Tại phiên tòa, sau khi tiếp cận các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà A1 có quan điểm: Bà Á hiện vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ký ngày 22/10/2020 với Công ty L1. Bà Á được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án và có toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Bà A1 không xác định được khoản nợ mà nguyên đơn trình bày có đúng hay không? có đúng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký vào hợp đồng đó không? và con dấu có đúng của bị đơn không? Bà A1 đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết theo quy định của pháp luật. Hợp đồng vay tiền, hợp đồng

thế chấp bà A1 chỉ biết qua Tòa án. Người ủy quyền không cung cấp cho bà tài liệu, chứng cứ gì. Bà A1 không có yêu cầu đề nghị gì khác tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 351, 357, 388, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc là 33.000.000.000đồng và tiền lãi phát sinh trong hạn, tiến lãi quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của Công ty TNHH M về xử lý tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị đã nhận thế chấp của Công ty TNHH L theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ đã được chuyển qua tài khoản theo hợp đồng cho vay tài sản. Mục đích vay vốn là chi phí cho hoạt động kinh doanh của bên vay. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ thì bị đơn bàn giao tài sản đã thế chấp cho nguyên đơn để tự nguyên đơn xử lý thu hồi nợ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thu hồi nợ cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ tranh chấp được xác định là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2]. ***Về tố tụng:*** Bà C là người được bị đơn ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020. Bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà H. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. ***Về Hợp đồng cho vay số 20191015/M1-L1 ngày 15/10/2019:***

Ngày 15/10/2019, Công ty M1 và Công ty L1 ký kết hợp đồng cho vay tài sản sản số 20191015/M1-L1. Theo hợp đồng: Công ty M1 cho Công ty L1 vay số tiền 30.000.000.000đồng; Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản tiền vay; Lãi suất 8%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 16/10/2019, Công ty M1 chuyển vào tài khoản số 2701101744006 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhA1 Hải Dương, tên khách hàng là Công ty TNHH L số tiền 19.570.000.000đồng, trừ phí chuyển tiền là 220.000đồng, số tiền báo có trong tài khoản của Công ty L1 là 19.569.780.000đồng. Ngày 29/10/2019, Công ty M1 chuyển vào tài khoản số 2701101744006 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhA1 Hải Dương, tên khách hàng là Công ty TNHH L số tiền 10.430.000.000đồng trừ phí chuyển tiền là 330.000đồng, số tiền thực báo có trong tài khoản của Công ty L1 là 10.429.670.000đồng. Như vậy, Công ty M1 chuyển đủ số tiền 30.000.000.000đồng cho Công ty L1 vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[4]. ***Về Hợp đồng cho vay số 20191217/M1-L1 ngày 17/12/2019:***

Ngày 17/12/2019, Công ty M1 và Công ty L1 ký kết hợp đồng cho vay số 20191217/M1-L1. Nội dung chính của hợp đồng: Công ty M1 cho Công ty L1 vay số tiền 3.000.000.000đồng; Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản tiền vay; Lãi suất 8%/năm ; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cùng ngày 17/12/2019, Công ty M1 đã chuyển vào tài khoản số 115002626754 của Công ty TNHH L tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhA1 KCN Hải Dương số tiền 3.000.000.000đồng. Trừ phí chuyển tiền và VAT là 330.000đồng, số tiền thực báo có trong tài khoản của Công ty L1 là 2.999.670.000đồng. Như vậy, Công ty M1 chuyển đủ số tiền 3.000.000.000đồng cho Công ty L1 vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[5] Công ty L1 không có quan điểm về khoản tiền vay gốc và lãi nêu trên, không bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, đề nghị HĐXX căn

cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Quân đội cung cấp số tài khoản VNĐ của Công ty L1 là 27011. Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam cung cấp số tài khoản VNĐ của Công ty L1 là 11500; Người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 khi đăng ký mở tài khoản là LE – chức vụ: giám đốc; Thời gian và số tiền mà Công ty M1 đã chuyển qua tài khoản của Công ty L1 phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[6] Từ các căn cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở xác định các hợp đồng vay tài sản nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định pháp luật dân sự, các bên đã thực hiện hợp đồng mà không có ý kiến phản đối các điều khoản của hợp đồng. Do đó, Hợp đồng cho vay tài sản đã phát sinh hiệu lực. Công ty M1 đã chuyển qua tài khoản của Công ty L1 tại Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho Công ty L1 tổng số tiền vay là 33.000.000.000đồng. Căn cứ bản sao kê các tài khoản của Công ty L1 tại hai ngân hàng trên thể hiện Công ty L1 đã sử dụng số tiền (do Công ty M1 chuyển khoản đến) vào nhiều mục chi của Công ty L1. Đến hạn theo hợp đồng, Công ty L1 không thanh toán được nợ cho Công ty M1, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong nhiều tháng. Công ty M1 khởi kiện yêu cầu Công ty L1 phải thanh toán trả Công ty M1 số tiền nợ gốc là 33.000.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là có căn cứ.

HĐXX chấp nhận yêu cầu của Công ty M1. Xác định Công ty L1 còn nợ và phải thanh toán cho Công ty M1 số tiền nợ gốc là 33.000.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 660.000.000đồng, tiền lãi quá hạn là 6.882.216.986đồng (tính đến ngày 22/10/2021). Tổng cộng bằng 40.542.216.986đồng

Về thời hạn trả nợ: Buộc Công ty L1 phải thanh toán cho Công ty M1 một lần và đầy đủ số tiền gốc lãi nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/10/2021, Công ty L1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thoả thuận đã ghi trong các hợp đồng cho vay cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

[7] ***Về hợp đồng thế chấp:*** Để đảm bảo cho khoản vay 33.000.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh, Công ty M1 và Công ty L1 ký với nhau 4 hợp đồng thế chấp trong đó có hai hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tài sản thế chấp là 167 máy móc thiết bị. Tuy nhiên, ngày 25/4/2021, nhà xưởng chứa các máy móc thiết bị mà Công ty L1 đã thế chấp cho Công ty M1 bị hỏa hoạn, các máy móc thiết bị này đã bị hư hỏng hoặc không sử dụng được. Công ty M1 tự nguyện

rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Công ty L1 không có ý kiến gì. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về chi phí thẩm định: Công ty M1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản thế chấp do Công ty M1 đã tự chi. HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Các Điều 351, 357, 385, 386, 388, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với Công ty TNHH L về khoản tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

3. Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 20191015/M1-L1 ngày 15/10/2019 và Hợp đồng cho vay số 20191217/M1-L1 ngày 17/12/2019 (tính đến hết ngày 22/10/2021) là: 40.542.216.986đồng (bốn mươi tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 33.000.000.000 đồng.(ba mươi ba tỷ đồng)
- Tiền nợ lãi trong hạn là 660.000.000đồng.(sáu trăm sáu mươi triệu đồng)
- Tiền nợ lãi quá hạn là 6.882.216.986đồng.(sáu tỷ tám trăm tám mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng)

Về thời hạn trả nợ: Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán cho Công ty TNHH M một lần và đầy đủ số tiền gốc lãi nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Công ty TNHH L còn tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh cho Công ty TNHH M trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số

20191015/M1-L1 ngày 15/10/2019 và Hợp đồng cho vay số 20191217/M1-L1 ngày 17/12/2019.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của Công ty TNHH M về việc xử lý tài sản thế chấp là 167 máy móc, thiết bị đã nhận thế chấp của Công ty TNHH L theo các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

5. Về chi phí thẩm định: Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH M về việc chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản thế chấp do Công ty TNHH M đã tự chi.

6. Về án phí: Công ty TNHH L phải chịu 148.542.000đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí 71.840.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000189 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, do Công ty TNHH M chuyển qua tài khoản.

7. Quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hA1 án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨN PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Hoàn **Nguyễn Quang Miên** **Phạm Thúy Hằng**

HĐTD được lập thành văn bản, có mục đích kinh doanh thu lợi nhuận, việc thoả thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, ko vi phạm điều cấm của PL, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của PL nên theo quy định tại đ122m 124 BLDS 2005, HĐ có hiệu lực. Các HĐTC số ngày giữa với ông đều được lập thành VB, hoàn toàn tự nguyện, đều có công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm, theo quy định tại Điều 343 BLDS 2005, HĐ có hiệu lực PL
5. Trường hợp bản án ddwwocj thi hành….